

Dạng 2: Tính đạo hàm của hàm số trên một khoảng

- Câu 1:** (Mức độ: 1) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = x^2 - 3x + 1$
- A. $y' = 2x - 3$. B. $y' = 2 - 3x$. C. $y' = x^2 - 3x + 1$. D. $y' = x - 3$.
- Câu 2:** (Mức độ: 1) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = x^3 - 2x$
- A. $y' = 2x - 3$. B. $y' = 3x^2 - 2x$. C. $y' = 3x^2 - 2$. D. $y' = 3x - 2$.
- Câu 3:** (Mức độ: 1) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = 4x + 3$
- A. $y' = 4x$. B. $y' = 4$. C. $y' = -4x$. D. $y' = 3x - 2$.
- Câu 4:** (Mức độ: 2) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \frac{1}{2x-3}$
- A. $y' = -\frac{2}{(2x-3)^2}$. B. $y' = -\frac{2}{(2x-3)^2}$. C. $y' = \frac{1}{(2x-3)^2}$. D. $y' = 3x - 2$.
- Câu 5:** (Mức độ: 2) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \frac{2x-1}{x+1}$
- A. $y' = -\frac{2}{(x+1)^2}$. B. $y' = \frac{1}{(x+1)^2}$. C. $y' = \frac{3}{(x+1)^2}$. D. $y' = -\frac{3}{(x+1)^2}$.
- Câu 6:** (Mức độ: 2) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \sqrt[3]{x^2+2}$
- A. $y' = \frac{2-x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$. B. $y' = \frac{x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$. C. $y' = \frac{2x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$. D. $y' = \frac{2x}{3\sqrt[3]{x^2+2}}$.
- Câu 7:** (Mức độ: 3) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = \sin 2x - 1$
- A. $-\cos 2x$. B. $-2\sin 2x$. C. $2\cos 2x$. D. $\frac{1}{2}\sin 2x$.
- Câu 8:** (Mức độ: 3) Tính đạo hàm của hàm số sau: $y = f(x) = 2 + \cos 3x$
- A. $-3\sin 3x$. B. $-2\sin 2x$. C. $3\sin 3x$. D. $\cos 3x$.
- Câu 9:** (Mức độ: 3) Đạo hàm của hàm số $f(x) = \cos 2x$:
- A. $-\cos 2x$. B. $-2\sin 2x$. C. $2\sin 2x$. D. $\frac{1}{2}\sin 2x$.